



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2011

**CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY VÀ
CÁP ĐIỆN TAYA VIỆT NAM**

Tháng 4 năm 2012

MỤC LỤC

1.	SƠ LƯỢC VỀ CÔNG TY, MỤC TIÊU VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN	2
1.1.	Lịch sử hình thành.....	2
1.1.1	Việc thành lập	2
1.1.2	Chuyển đổi sở hữu thành Công ty cổ phần	2
1.1.3	Niên yết:	2
1.1.4	Ngày giao dịch chính thức	2
1.1.5	Cơ cấu quản lý công ty	2
1.2.	Quá trình phát triển	4
1.2.1	Ngành nghề kinh doanh	4
1.2.2	Tình hình hoạt động	7
1.3.	Định hướng phát triển (giai đoạn 2011~2015)	7
1.3.1	Mục tiêu chủ yếu	7
2.	BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	8
3.	BÁO CÁO TỔNG GIÁM ĐỐC	10
3.1.	Báo cáo tình hình tài chính.....	10
3.1.1	Phân tích chỉ số tài chính	11
3.1.2	Giá trị sổ sách tại thời điểm báo cáo(Book Value)	12
3.2.	Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	13
3.2.1	Phân tích tổng quan hoạt động công ty	13
4.	BÁO CÁO TÀI CHÍNH (xem chi tiết tại website công ty www.taya.com.vn)	14
5.	THÔNG TIN KIỂM TOÁN:	21
5.1.	Đơn vị kiểm toán độc lập:	21
5.2.	Đơn vị kiểm tra Nội bộ: Công ty cổ phần hữu hạn Dây và Cáp điện Đại Á	21
6.	CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN:	21
6.1.	Ngành nghề hoạt động, địa chỉ Công ty và nhà máy sản xuất.....	21
6.2.	Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính.....	22
7.	TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ	23
7.1.	Sơ đồ cơ cấu tổ chức	23
7.2.	Số lượng Cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động	23
7.3.	Người quản lý chủ chốt trong công ty	24
8.	QUẢN TRỊ CÔNG TY VÀ THÔNG TIN CỔ ĐÔNG	25
8.1.	Quản trị công ty.....	25
8.1.1	Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:.....	25
8.1.2	Tỷ lệ sở hữu và những thay đổi của thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát.....	26
8.2.	Hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.....	27
8.2.1	Hoạt động của Hội đồng quản trị	27
8.2.2	Hoạt động của Ban kiểm soát:	27
8.2.3	Kế hoạch tăng cường hiệu quả quản trị công ty	28
8.3.	Thông tin cổ đông (tại 27/03/2012).....	28
8.3.1	Cơ cấu sở hữu	28
8.3.2	Cơ cấu cổ đông	28
8.3.3	Cổ đông nội bộ.....	29

1. SƠ LƯỢC VỀ CÔNG TY, MỤC TIÊU VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

1.1. Lịch sử hình thành

1.1.1 Việc thành lập

- Công Ty Cổ Phần Dây và Cáp Điện Taya Việt Nam được thành lập theo Giấy phép đầu tư số 414/GP do Ủy ban Nhà nước về Hợp tác và Đầu tư Việt Nam (nay là Bộ Kế Hoạch và Đầu tư) cấp ngày 07/09/1992.
- Mã số đăng ký kinh doanh: 472033000584 do Ban quản lý các khu công nghiệp Đồng Nai cấp lần đầu ngày 11/07/2008, cấp lần thứ tư thay đổi ngày 29/11/2011.
- Tên tiếng Anh: TAYA (VIET NAM) ELECTRIC WIRE AND CABLE JOINT STOCK COMPANY
- Tên giao dịch: TAYA VIỆT NAM

- Logo công ty:



- Địa chỉ trụ sở chính công ty: số 1, đường 1 A, khu công nghiệp Biên Hòa II, Biên Hòa, Đồng Nai.
- Tel: 84-61-3836361~4 Fax: 84-61-3836388
- E-mail: vndnstock@mail.taya.com.tw Website: www.taya.com.vn

Địa chỉ chi nhánh: km 35, quốc lộ 5A, xã Cẩm Điền, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

- Tel: 84-320-3775888~890 Fax: 84-320-3775896
- E-mail: ck_chen@mail.taya.com.tw Website: www.taya.com.vn

1.1.2 Chuyển đổi sở hữu thành Công ty cổ phần

Ngày 7/10/2005, Công ty chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần theo Giấy phép Đầu tư điều chỉnh số 414 CPH/GP do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp.

1.1.3 Niêm yết:

Giấy phép niêm yết cổ phiếu số: 40/UBCK-GPNY do Ủy ban Chứng khoán nhà nước (SSC) cấp ngày 2/12/2005.

1.1.4 Ngày giao dịch chính thức

- Ngày 15 tháng 02 năm 2006 cổ phiếu Taya Việt Nam chính thức giao dịch tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán TP.HCM (nay là Sở dịch Chứng khoán TP.HCM).
 - + Loại cổ phần: cổ phiếu phổ thông.
 - + Ký hiệu cổ phiếu: TYA

1.1.5 Cơ cấu quản lý công ty

- **Trụ sở chính và Nhà máy Đồng Nai:** Nơi đặt nhà máy sản xuất của Công ty tại phía Nam, có văn phòng làm việc của Tổng Giám Đốc và Các Ban chuyên trách gồm: Ban Hành chính quản trị, Ban Kinh doanh tiếp thị, Ban Xưởng vụ.

Địa chỉ: Số 1, đường 1 A, Khu công nghiệp Biên Hòa II, Biên Hòa, Đồng Nai, Việt Nam.

Điện thoại: 061-3836 361-4

Fax: 061-3836 388

E-mail: vndnstock@mail.taya.com.tw

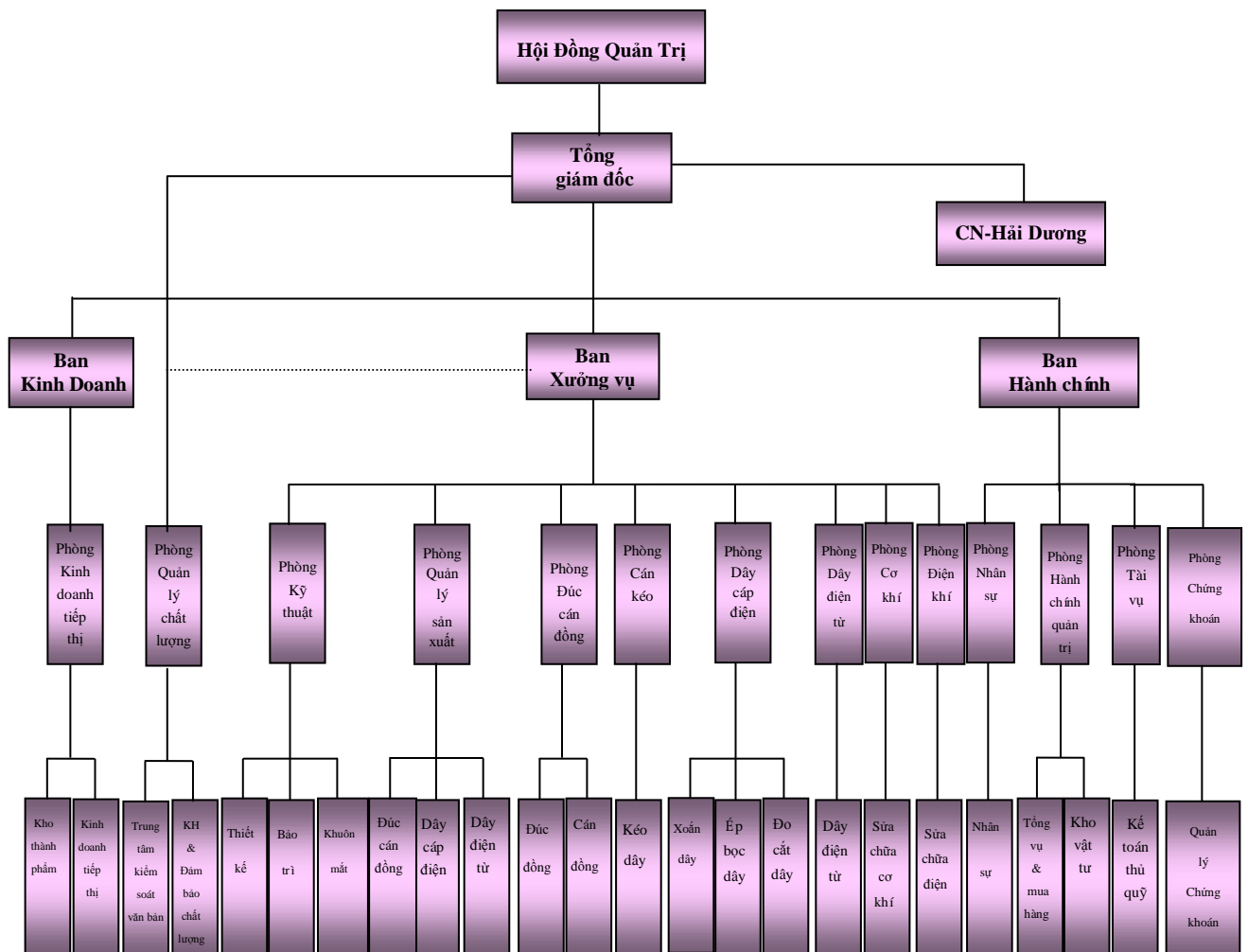
Website: www.taya.com.vn

- **Chi nhánh Hải Dương:** Nơi đặt nhà máy sản xuất dây điện và cáp điện cung cấp cho thị trường từ các tỉnh phía Bắc đến Đà Nẵng. Chi nhánh Hải Dương có cơ cấu tổ chức bộ máy tương tự như

tại Nhà máy ở Đồng Nai. Trụ sở chính và các ban chuyên trách của Chi nhánh đặt tại Nhà máy. Đứng đầu chi nhánh là Phó Tổng Giám Đốc Taya Việt Nam.

Địa chỉ: Km 35 QL 5 – Xã Cẩm Điền, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương.
 Điện thoại: 0320 – 3775888 0320 – 3775890~892 Fax: 0320 – 3775 896
 Email: ck_chen@mail.taya.com.tw Website: www.taya.com.vn

SƠ ĐỒ CƠ CẤU QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY



- **Các ban chuyên trách:** Là những ban trực tiếp điều hành Công việc của nhà máy theo chức năng chuyên môn và nhận sự chỉ đạo của Tổng Giám đốc hoặc Phó Tổng Giám đốc (đối với chi nhánh Hải Dương). Cơ cấu tổ chức của Taya có được thiết lập bao gồm: Ban Hành chính quản trị, Ban kinh doanh tiếp thị, Ban Xưởng vụ. Chức năng nhiệm vụ của các Ban được quy định như sau:

Ban Hành chính quản trị: Có chức năng quản lý nhân sự, quản lý tài chính và quản lý tổng vụ. Thực hiện nhiệm vụ về kế toán và thủ quỹ, lương và các chính sách cho người lao động, xuất nhập khẩu và mua nguyên vật liệu, mua văn phòng phẩm và các thiết bị văn phòng, quản lý kho nguyên liệu...

Ban kinh doanh tiếp thị: Có chức năng trong việc xác định mục tiêu, phương hướng hoạt động tiếp thị. Thực hiện nhiệm vụ mở rộng thị trường, tìm kiếm đối tác, tham gia đấu thầu cung cấp sản

phẩm, xây dựng giá bán và đưa ra giải pháp hỗ trợ, thúc đẩy bán hàng, quản lý kho thành phẩm, vận tải hàng hóa...

Ban xưởng vụ: Có chức năng trong việc điều động sản xuất và bảo đảm chất lượng sản phẩm. Thực hiện nhiệm vụ lập kế hoạch sản xuất, kế hoạch sử dụng nguyên liệu, thực hiện các việc kiểm tra chất lượng, bảo trì sửa chữa và vận hành các máy móc thiết bị.

1.2. Quá trình phát triển

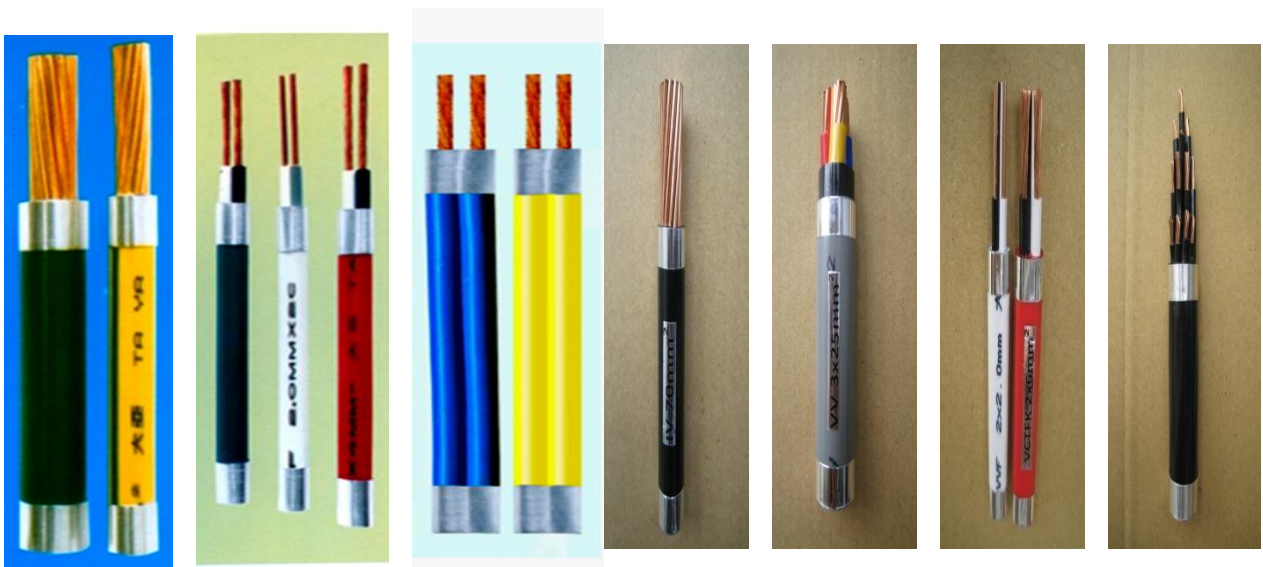
1.2.1 Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất các loại dây và cáp điện trung và cao thế 1-35KV, dây và cáp điện hạ thế 600-1000V, cáp điện lực XLPE 600V, cáp điện lực có giáp bằng sợi thép, băng nhôm, băng đồng, băng thép, dây cáp điện chống cháy, dây cáp điện ít khói, dây cáp điện không độc hại, dây đồng trần đơn và xoắn, cáp điều khiển, các loại dây mềm, dây điện dùng trong ô tô...
- Thi công xây lắp các công trình điện.
- Thực hiện quyền xuất khẩu, nhập khẩu và quyền phân phối bán lẻ (không thành lập cơ sở bán lẻ) các sản phẩm sau:
 - + Các sản phẩm, hàng hóa liên quan đến sản xuất dây và cáp điện (Mã HS: 7409, 7408, 7407, 7403, 7402, 7401, 7606, 7605, 7604, 7217, 7212, 3904, 3901).
 - + Các loại công cụ, dụng cụ và vật tư phục vụ thi công công trình điện (Mã HS: 8535, 8467, 8204, 7415, 7320).
 - + Các loại thiết bị chiếu sáng (Mã HS: 9405, 8540, 8539, 8512).

➤ Dây cáp điện chống cháy, chịu nhiệt



➤ Chủng loại sản phẩm dây cáp điện hạ thế từ 600V đến 1.000V





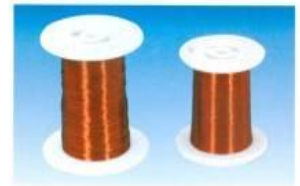
➤ Dây cáp điện trung áp từ 1KV ~ 35 KV



- Sản xuất các loại dây điện từ PEW (cấp chịu nhiệt 155°C), dây điện từ UEW (cấp chịu nhiệt 155°C), dây điện từ EAIW (cấp chịu nhiệt 200°C), dây điện từ SEIW (cấp chịu nhiệt 180°C), dây điện từ SPEIW (cấp chịu nhiệt 180°C)...



PEW
聚酯漆包銅線
 Dây điện từ Polyester
 Polyester Enameled Wire
 耐温等級 : 155°C
 Cấp chịu nhiệt : 155°C
 Thermal Rating: 155°C



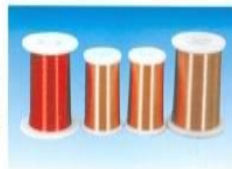
PEW-NY
尼龍外被聚酯漆包銅線
 Dây điện từ Polyester với lớp Polyamide phủ ngoài
 Polyamide Overcoated Polyester Enameled Wire
 耐温等級 : 155°C
 Cấp chịu nhiệt: 155°C
 Thermal Rating: 155°C



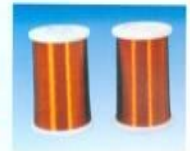
UEW
聚胺酯漆包銅線
 Dây điện từ Polyurethane
 Polyurethane Enameled Wire
 耐温等級 : 130°C/155°C/180°C
 Cấp chịu nhiệt: 130°C/155°C/180°C
 Thermal Rating: 130°C/155°C/180°C



UEW+NY
尼龍外被聚胺酯漆包銅線
 Dây điện từ Polyurethane có phủ Polyamide
 Polyamide Over Polyurethane Enameled Wire
 耐温等級 : 130°C/155°C
 Cấp chịu nhiệt : 130°C/155°C
 Thermal Rating: 130°C/155°C



EAIW
醃胺亞胺外被變性聚酯漆包銅線
 Dây điện từ Polyester-Imide được phủ Amide-Imide
 Amide-Imide Overcoated Polyester-Imide Enameled Wire
 耐温等級 : 200°C
 Cấp chịu nhiệt: 200°C
 Thermal Rating: 200°C



SEIW
直焊變性聚亞胺酯漆包銅線
 Dây điện từ Polyester-Imide có tính tự hàn
 Solderable Polyester-Imide Enameled Wire
 耐温等級 : 180°C
 Cấp chịu nhiệt: 180°C
 Thermal Rating: 180°C



EIW
聚酯亞胺漆包銅線
 Dây điện từ Polyester-Imide
 Polyester-Imide Enameled Wire
 耐温等級 : 180°C
 Cấp chịu nhiệt: 180°C
 Thermal Rating: 180°C



PVF
聚乙烯甲醛漆包銅線
 Dây điện từ Polyvinyl Formal
 Polyvinyl Formal Enameled Wire
 耐温等級 : 105°C
 Cấp chịu nhiệt: 105°C
 Thermal Rating: 105°C



1.2.2 Tình hình hoạt động

- Tóm tắt tình hình hoạt động

- Năm 2001, Công ty đã hoàn thành đầu tư xưởng nung đúc nguyên liệu đồng đầu tiên (lò số 1, số 2) cho nhà máy.
- Năm 2002, hoàn thành đầu tư nhà xưởng hiện đại sản xuất sản phẩm dây điện từ và nhà xưởng nung đúc nguyên liệu đồng thứ hai (lò số 3, số 4).
- Năm 2003, đầu tư thành lập Chi nhánh sản xuất dây và cáp điện tại tỉnh Hải Dương, nhà máy này được hạch toán độc lập và đầu tư hoàn chỉnh từ khâu nung đúc nguyên liệu đồng đến khâu sản xuất ra các loại dây cáp điện, dây điện từ.
- Tháng 1/2005 Chi nhánh Hải Dương đã chính thức đi vào hoạt động.
- Năm 2005, hoàn thành đầu tư xây dựng nhà xưởng và hệ thống dây chuyền sản xuất dây cáp điện Trung cao áp và lò nung đồng số 5.
- Năm 2008, hoàn thành đầu tư mở rộng sản xuất dây cáp điện chịu nhiệt, chống cháy, ít khói không độc.


1.3. Định hướng phát triển (giai đoạn 2011~2015)

1.3.1 Mục tiêu chủ yếu

- Phát triển Taya Việt Nam trở thành nhà sản xuất dây và cáp điện hàng đầu tại Việt Nam, sản phẩm đạt chất lượng cao, đủ khả năng thay thế hàng nhập khẩu.
- Mở rộng thị trường nội địa, chiếm 20% thị phần sản xuất dây cáp điện trong nước.
- Tăng cường doanh thu xuất khẩu đạt trên 10%/năm.

Để đạt được mục tiêu trên, công ty xây dựng chiến lược phát triển như sau:

A. Phát triển thị trường:

1. Tăng cường phát triển thị trường nội địa sản phẩm ngôi sao cáp điện trung cao áp, cáp điện chịu nhiệt, chống cháy, cáp điện ít khói không độc.
2. Phát triển thương hiệu Taya  lớn mạnh trên thị trường Việt Nam và khu vực.
3. Trực tiếp hoặc hợp tác đầu thầu các công trình.
4. Tăng cường xuất khẩu.

B. Phát triển sản phẩm chất lượng:

1. Khai thác sản phẩm bảo vệ môi trường.

C. Phát triển nguồn nhân lực:

1. Đào tạo nâng cao tay nghề công nhân.
2. Thu hút thêm nhân sự có năng lực.
3. Tập huấn tại nước ngoài.
4. Đãi ngộ phù hợp với xu thế chung.

D. Đầu tư phù hợp:

- Giá nguyên liệu đồng thường bị chi phối do cung cầu của thị trường thế giới, tình hình đầu cơ tích trữ của các định chế tài chính, các quỹ đầu tư quốc tế và tác động của tỷ giá hối đoái biến động, gây ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của công ty. Để giảm thiểu rủi ro, công ty mua sắm nguyên liệu tập trung với khối lượng lớn nhằm tạo lợi thế khi đàm phán về giá. Ngoài ra, công ty đẩy mạnh hàng hóa xuất khẩu để thu hút ngoại tệ về cho công ty.

2. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

A. Báo cáo hoạt động kinh doanh

Năm 2011 doanh thu Công ty đạt khoảng 1.316,58 tỷ đồng, tăng 3,57% so với kế hoạch, tăng 20,19% so với thực hiện năm 2010; lợi nhuận sau thuế khoảng 30,5 tỷ đồng vượt mục tiêu kế hoạch năm 2011. Trong đó, doanh thu cáp điện trung áp tăng trưởng 203% so với kết quả năm 2010.

Tỷ suất lợi nhuận ròng năm 2011 khoảng 2,32% tăng 14,29% và tỷ suất lợi nhuận ròng trên vốn cổ phần đạt 12,56% tăng 16,08% so với năm 2010.

Phân tích nguyên nhân:

Sáu tháng đầu năm 2011 giá đồng LME tương đối ổn định, công ty bán hàng nhiều hơn và giá vốn có nhiều ưu thế, do vậy, lợi nhuận gộp tăng 48% so với cùng kỳ năm 2010; lợi nhuận sau thuế sáu tháng đầu năm 2011 khoảng 20,7 tỷ đồng. Chuyển sang sáu tháng cuối năm 2011, từ diễn biến của khủng hoảng nợ công Châu Âu, rủi ro vỡ nợ của Hy Lạp đến tình hình kinh tế trì trệ của Mỹ đã tác động mạnh đến kinh tế thế giới nói chung và giá đồng thế giới nói riêng, tâm lý đầu tư trở nên lưỡng lự, giao dịch giảm sâu... và ảnh hưởng giảm lợi nhuận của công ty. Lợi nhuận sau thuế sáu tháng cuối năm 2011 của công ty khoảng 9,8 tỷ đồng, giảm 10,9 tỷ đồng tương đương 52,66% so với sáu tháng đầu năm 2011. Cả năm 2011 công ty lãi khoảng 30,5 tỷ đồng, so với kế hoạch 25,7 tỷ đồng vẫn tăng trưởng 18,69%.

❖ Lợi nhuận, tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	2011	2010
Kết quả kinh doanh		
Doanh thu thuần (nghìn đồng)	1.316.583.484	1.095.502.540
Lợi nhuận gộp (nghìn đồng)	138.576.658	107.410.832
Lợi nhuận từ HĐSXKD(nghìn đồng)	28.740.732	16.654.592
Lợi nhuận sau thuế (nghìn đồng)	30.571.031	23.025.155
Bảng cân đối kế toán		
Vốn chủ sở hữu (nghìn đồng)	243.350.566	212.779.536
Tổng tài sản (nghìn đồng)	671.369.801	785.069.357
Tổng nợ phải trả (nghìn đồng)	428.019.236	572.289.821
Tài sản thuần (nghìn đồng)	243.350.566	212.779.536
Chỉ số tài chính		
ROE (%)	12,56	10,82

❖ Tình hình thực hiện so với kế hoạch

CHỈ TIÊU	Thực hiện 2011	Kế hoạch 2011	Tăng/ giảm Kim ngạch	tăng giảm so với KH (%)
Vốn điều lệ (triệu đồng)	279,013,770	279,013,770	-	-
Doanh thu (Triệu đồng)	1,316,583,484	1,271,156,000	45,427,484	3.57
Lợi nhuận trước thuế (triệu đồng)	33,400,301	29,440,571	3,959,730	13.45
Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)	30,571,031	25,756,228	4,814,803	18.69
LN sau thuế/ Doanh thu (%)	2.32	2.03	0.29	14.29
LN sau thuế/Vốn điều lệ (%)	10.96	9.23	1.73	18.74

B. Cải cách chủ yếu trong năm:

▪ Những hạng mục kinh doanh mới

Nhằm mở rộng phạm vi hoạt động và tăng nguồn thu ngoại tệ, năm 2011 công ty đăng ký bổ sung hạng mục kinh doanh mới như sau:

- Thi công xây lắp các công trình điện.
- Thực hiện quyền xuất khẩu, nhập khẩu và quyền phân phối bán lẻ (không thành lập cơ sở bán lẻ) các sản phẩm sau:
 - + Các sản phẩm, hàng hóa liên quan đến sản xuất dây và cáp điện (Mã HS: 7409, 7408, 7407, 7403, 7402, 7401, 7606, 7605, 7604, 7217, 7212, 3904, 3901).
 - + Các loại công cụ, dụng cụ và vật tư phục vụ thi công công trình điện (Mã HS: 8535, 8467, 8204, 7415, 7320).
 - + Các loại thiết bị chiếu sáng (Mã HS: 9405, 8540, 8539, 8512).

C. Đánh giá rủi ro

Diễn biến Kinh tế thế giới (2008 - 2011) từ cuộc khủng hoảng cho vay thế chấp dưới chuẩn ở Mỹ đến khủng hoảng nợ công Châu Âu..... đến nay, những dấu hiệu phục hồi kinh tế tại các quốc gia đã phát triển rõ ràng còn gặp nhiều khó khăn. Tuy nhiên, một nền kinh tế chủ yếu dựa vào xuất khẩu như Việt Nam, trong bối cảnh môi trường kinh tế phát triển phức tạp và thiếu chắc chắn trong quốc tế cũng như quốc nội... Năm 2011, Việt Nam vẫn đạt mức tăng trưởng GDP 5,8%. Trong đó, tăng trưởng nhanh nhất là ngành công nghiệp chế biến và dịch vụ, đóng góp nhiều nhất cho tăng trưởng kinh tế tổng thể quốc gia, nhưng ngành xây dựng lại trở nên trì trệ chỉ tăng 4,9%, thấp hơn nhiều so với mức tăng 10% của năm 2010 và 11% của năm 2009. Tình hình lạm phát tại Việt Nam cuối năm 2011 là 19%, cùng kỳ năm 2010 là 23%, lạm phát tuy đã được kiềm chế nhưng vẫn còn ở mức cao, tiềm ẩn những rủi ro bất ổn cho phát triển kinh tế năm 2012.

- Ngành dây cáp điện luôn là một ngành nghề chiếm một vị trí quan trọng trong phát triển nền kinh tế quốc dân. Động lực thúc đẩy ngành tăng trưởng liên tục trong tương lai, chủ yếu đến từ những nhu cầu lớn trong tiến trình công nghiệp hóa và đô thị hóa của đất nước. Như đã trình bày tại phần trên, ngành xây dựng năm 2011 của Việt Nam chỉ tăng trưởng 4,9%, thấp hơn nhiều so với mức tăng của năm 2010 và năm 2009. Hơn nữa, vì năm 2012 chính phủ Việt Nam quyết tâm kiềm chế lạm phát, hạn chế chi tiêu công và đầu tư các dự án công trình công cộng, chắc chắn sẽ tác động mạnh đến sự phát triển ngành xây dựng tại Việt Nam và ảnh hưởng xấu đến tình hình hoạt động của công ty.

- Theo thời báo kinh tế Việt Nam, tỷ lệ xuất khẩu Việt Nam năm 2011 chiếm 80% tổng sản lượng quốc nội (GDP) cao hơn mức 70,9% năm 2010. Thị trường xuất khẩu của Việt Nam chủ yếu là các nước cộng đồng Châu Âu, Mỹ và Nhật Bản, giá trị VND được hạ thấp là một lợi thế cho xuất khẩu, những năm gần đây VND liên tục trượt giá hẳn là có nguyên nhân khi chính phủ nỗ lực theo đuổi tăng trưởng kinh tế, nhưng nếu thị trường tiền tệ không ổn định chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng kinh tế phát triển không đồng đều và dễ phát sinh rủi ro.

D. Quản lý rủi ro

Rủi ro cũng tồn tại cơ hội và cơ hội thường chứa đầy rủi ro. Một nền kinh tế phát triển, sự đi lên của công nghiệp hóa, đô thị hóa và nông thôn điện khí hóa đều không thể tách rời sản phẩm dây cáp điện. Nguyên liệu chính của dây cáp điện là đồng, giá đồng biến động sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến giá bán và lợi nhuận của sản phẩm, tính bức phá về giá của sản phẩm này tuy không cao nhưng ổn định, dễ kiểm soát và rủi ro thấp. Sau đây là chính sách quản lý rủi ro do công ty hoạch định:

Đối nội :

- Duy trì nguyên liệu tồn kho luôn ở mức an toàn: Đảm bảo khả năng sản xuất, cung ứng hàng hóa ổn định.
- Đảm bảo chất lượng sản phẩm: Nâng cao sức cạnh tranh và uy tín của thương hiệu công ty.

- Quản lý tài chính nghiêm ngặt: Đảm bảo vòng quay vốn nhanh và giảm thiểu nợ xấu.
- Hệ thống bán hàng rộng khắp: Lưu thông hàng hòa, tăng thị phần.
- Mua hàng tập trung: Giành ưu thế đàm phán giá mua, giúp tăng lợi nhuận sản xuất.
- Nắm bắt thị trường nguyên liệu thế giới: Đảm bảo xây dựng giá linh hoạt, duy trì ưu thế cạnh tranh.

Đối ngoại :

- Xây dựng quan hệ khách hàng: Giúp tiêu thụ sản phẩm, tăng thị phần.
- Am hiểu môi trường kinh doanh: Cung ứng hàng hóa vừa và đủ, giảm nợ xấu và xây dựng chiến lược giá bán phù hợp.
- Nghiên cứu đối thủ cạnh tranh: Cải tiến bản thân, tạo ưu thế vượt trội.
- Theo dõi trạng thái lãi suất và tỷ giá hối đoái: Duy trì hạn mức tín dụng, tránh rủi ro.

E. Triển vọng kế hoạch năm 2012

Nhìn lại tình hình kinh tế toàn cầu năm 2011 vẫn chưa có gì sáng sủa, ảnh hưởng rủi ro nợ công Châu Âu, lạm phát trong nước còn cao và giá trị VND liên tục mất giá. Năm 2011 công ty lãi khoảng 30,5 tỷ đồng cao hơn dự tính. Triển vọng năm 2012, kỳ vọng tình hình kinh tế thế giới sẽ dần phục hồi, chính phủ Việt Nam điều tiết chính sách vĩ mô, ổn định hối đoái, kích thích tiêu thụ và đầu tư, vật giá được ổn định trở lại... Vì vậy, công ty dự tính kế hoạch kinh doanh năm 2012 như sau:

Đvt: (Nghìn đồng)

CHỈ TIÊU	2012
Doanh thu thuần	1,581,193,581,000
Lợi nhuận gộp	164,877,802,000
Lợi nhuận trước thuế	40,655,169,000
Chi phí thuế TNDN	5,005,167,750
Lợi nhuận sau thuế	35,650,001,250

- * Các số liệu trình bày trên đây là dựa trên cơ sở dự tính giá đồng bình quân trong năm ở mức 8.700USD/T và tỷ giá ổn định ở mức 22.000VND/USD. Nếu giá đồng và tỷ giá hối đoái biến động lớn công ty sẽ điều chỉnh lại các chỉ tiêu trên.

3. BÁO CÁO TỔNG GIÁM ĐỐC

3.1. Báo cáo tình hình tài chính

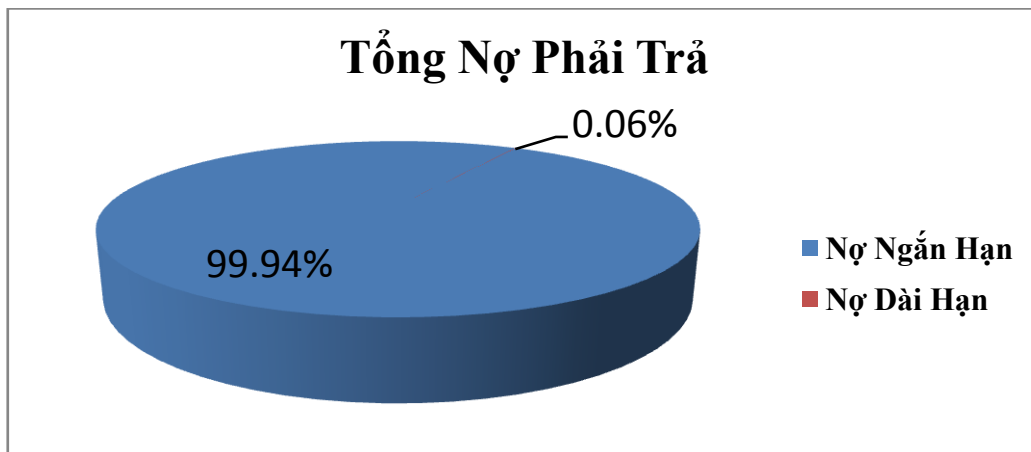
CHỈ TIÊU	Đvt	Năm 2011	Năm 2010
1. Bố trí cơ cấu tài sản và vốn			
1.1 Bố trí cơ cấu tài sản			
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	25,02	23,24
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	74,98	76,76
1.2. Bố trí cơ cấu vốn			
- Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	%	63,75	72,90
- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	36,25	27,10
2. Tỷ suất thanh toán			
2.1. Tỷ suất thanh toán ngắn hạn (Liquidity Ratio)	%	117,69	105,36
2.2. Tỷ suất thanh toán nhanh(Quick Ratio)	%	67,88	69,20

CHỈ TIÊU	Đvt	Năm 2011	Năm 2010
3. Tỷ suất lợi nhuận			
3.1 Tỷ suất Lợi nhuận trên doanh thu			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/doanh thu	%	2,54	2,07
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/doanh thu	%	2,32	2,10
3.2 Tỷ suất Lợi nhuận trên Tổng tài sản			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/tổng tài sản	%	4,97	2,89
- Tỷ suất LNST/trên tổng tài sản(ROA)	%	4,55	2,93
3.3. Tỷ suất LNST/nguồn vốn chủ sở hữu(ROE)	%	12,56	10,82

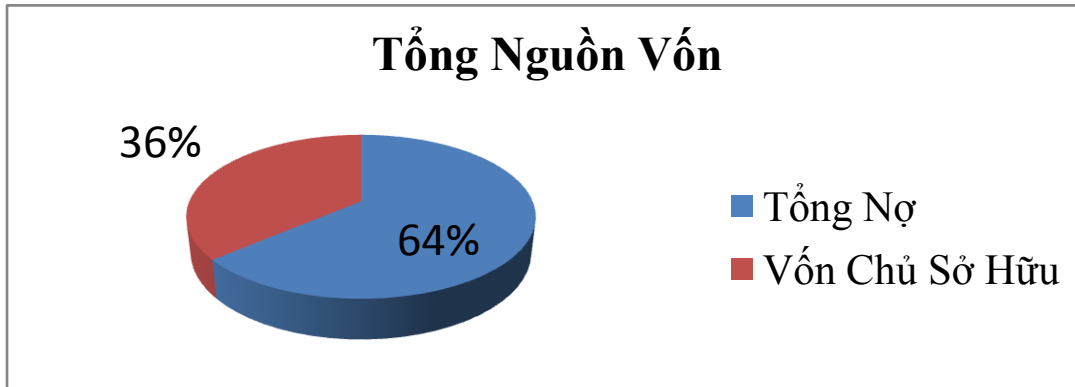
3.1.1 Phân tích chỉ số tài chính

- Nợ ngắn hạn khoảng 427,75 tỷ đồng bằng 63,71% tổng nguồn vốn (khoảng 671,37 tỷ) của công ty. Trong đó vay ngắn hạn khoảng 312,15 tỷ đồng chiếm tỷ lệ nợ ngắn hạn khoảng 72,97% hầu hết được các ngân hàng thương mại nước ngoài cho vay tín dụng do chủ tịch Shen Shang Pang đứng ra bảo đảm. Khoản vay này chủ yếu dùng để thanh toán nguyên liệu đồng nhập khẩu từ nước ngoài.

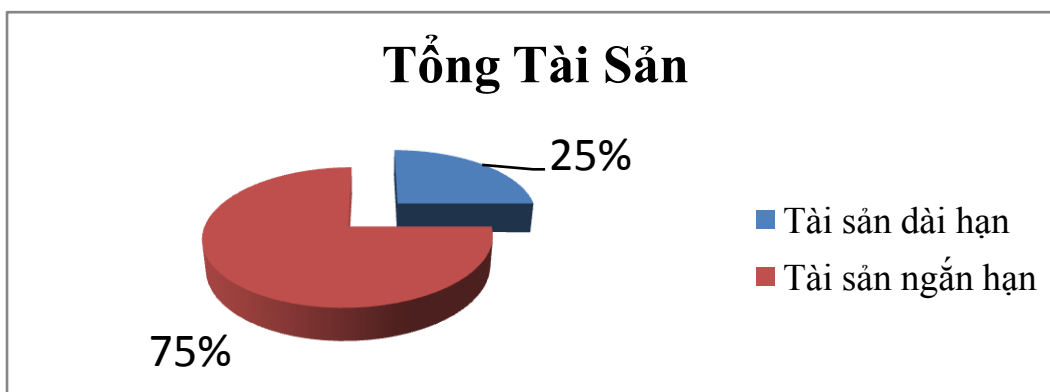
Nợ ngắn hạn cao sẽ ảnh hưởng đến giá trị của Doanh nghiệp và có những rủi ro nhất định, nhưng đối với một Doanh nghiệp sản xuất ổn định như Taya Việt Nam, phần lớn nợ ngắn hạn đều có tính chiếm dụng luân chuyển và tính ổn định nhất định, ví như một khoản tiền vốn chiếm dụng dùng để tích trữ nguyên vật liệu sản xuất, bán thành phẩm và sản phẩm mà Doanh nghiệp liên tục luân chuyển sử dụng. Nợ ngắn hạn phải đồng thời với việc đánh giá đúng năng lực thanh toán của mình mới có thể tránh khỏi những rủi ro cho Doanh nghiệp.



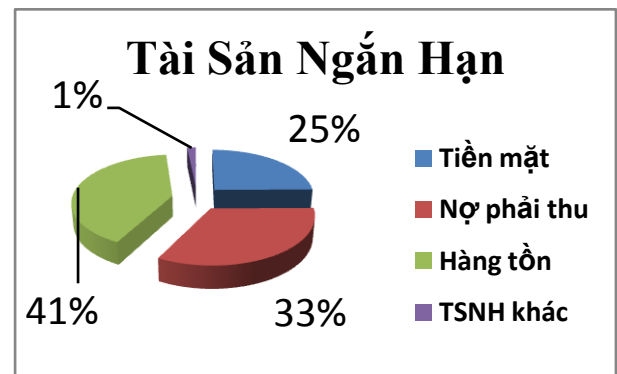
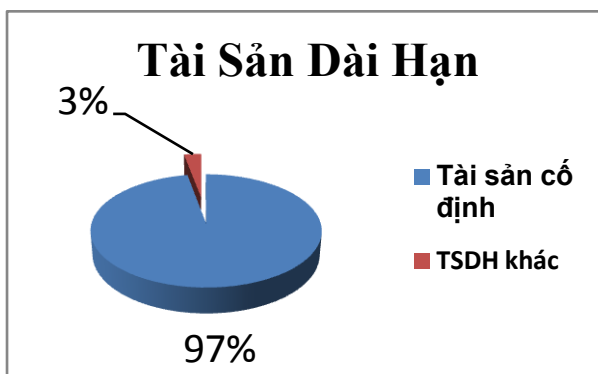
- Tỷ suất thanh toán ngắn hạn năm 2011 là 117,69% cao hơn 105,36% của năm 2010, phản ánh năng lực huy động vốn lưu động để thanh toán nợ ngắn hạn của công ty năm 2011 tốt hơn năm 2010, tức vốn ngắn hạn của công ty dồi dào không xảy ra nguy cơ về tín dụng.
- Tỷ suất thanh toán nhanh năm 2011 là 67,88% thấp hơn 69,20% của năm 2010, chủ yếu do giảm tiền và các khoản tương đương tiền, nhưng không gây ảnh hưởng về năng lực thanh toán nhanh của công ty.
- Tỷ suất lợi nhuận năm 2011 cao hơn năm 2010 phản ánh hiệu quả cắt giảm chi phí và tăng lợi nhuận của công ty.



- Tổng tài sản công ty năm 2011 khoảng 671.369.801.390 đồng, trong đó, tài sản ngắn hạn chiếm 75%, do tài sản ngắn hạn trong thời gian ngắn đã hoàn thành xoay vòng vốn và tạo ra giá trị. Vì vậy, khi dự tính cho thị trường kỳ vọng đối với loại tài sản này thường dễ hơn và tương đối chuẩn xác, thị trường biến động ít do trong thời gian ngắn hạn, rủi ro về kinh doanh tương đối nhỏ.



- Ngược lại, đối với tài sản dài hạn, tài sản cố định phải trong thời gian dài mới hoàn thành xoay vòng vốn và tạo ra giá trị. Trong điều kiện thời gian dài thì thị trường biến động khó lường, công ty dự tính thị trường kỳ vọng đối với loại tài sản này thường khó hơn và không chuẩn xác.
- Cơ cấu tài sản khác nhau sẽ gặp phải những rủi ro cũng khác nhau. Tài sản dài hạn, tài sản cố định càng lớn thì mức độ hứng chịu rủi ro cũng sẽ lớn.



3.1.2 Giá trị sổ sách tại thời điểm báo cáo(Book Value)

Chỉ tiêu	2011	2010	2009
Giá trị sổ sách (đồng/cp)	8.722	7.626	6.800

3.2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Đơn vị tính: (nghìn đồng)

CHỈ TIÊU	2011	2010	Tăng/Giảm	% Tăng/giảm
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.318.267.202	1.096.841.477	221.425.725	20,19
2. Các khoản giảm trừ	1.683.718	1.338.937	344.781	25,75
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.316.583.484	1.095.502.540	221.080.944	20,18
4. Giá vốn hàng bán	1.178.006.826	988.091.708	189.915.118	19,22
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	138.576.658	107.410.832	31.165.826	29,02
6. Doanh thu hoạt động tài chính	15.919.932	9.568.420	6.351.512	66,38
7. Chi phí tài chính	78.558.742	59.066.607	19.492.135	33,00
8. Chi phí bán hàng	19.608.289	18.367.740	1.240.549	6,75
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27.588.827	22.890.313	4.698.514	20,53
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	28.740.732	16.654.592	12.086.140	72,57
11. Thu nhập khác	7.864.864	6.032.470	1.832.394	30,38
12. Chi phí khác	3.205.295	787	3.204.508	407.180,18
13. Lợi nhuận trước thuế	33.400.301	22.686.275	10.714.026	47,23
14. Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.607.462	-	2.607.462	-
15. Thu nhập(chi phí)thuế thu nhập hoãn lại	221.808	(338.880)	560.688	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	30.571.031	23.025.155	7.545.876	32,77
17. Lãi lỗ cơ bản trên cổ phiếu	1.096	826	270	32,69

3.2.1 Phân tích tổng quan hoạt động công ty

So sánh kết quả kinh doanh năm 2011 và năm 2010 có nhiều thay đổi đáng kể:

- **Doanh thu:** Doanh thu năm 2011 tăng trưởng 20,18% so với năm 2010. Trong đó tiêu thụ nội địa tăng 9,03% do công ty tích cực tham gia đấu thầu các công trình công cộng nội địa làm tăng doanh thu cấp điện trung áp; Doanh thu xuất khẩu tăng trưởng 203,02% chủ yếu do công ty đẩy mạnh xuất khẩu các quốc gia lân cận và xuất khẩu tại chỗ các khu công nghiệp và khu chế xuất.
- **Chi phí bán hàng/doanh thu:** Chi phí này năm 2011 ở mức 1,49% thấp hơn mức 1,68% của năm 2010, nếu so với mức tăng doanh thu 20,18% chi phí này tăng rất nhẹ phản ánh hiệu quả quản lý chi phí bán hàng của công ty.
- **Chi phí quản lý/doanh thu:** Chi phí này năm 2011 ở mức 2,10% năm 2010 là 2,09%, so với mức tăng doanh thu 20,18% chi phí này gần như không tăng phản ánh hiệu quả cắt giảm chi phí quản lý của công ty.
- **Chi phí tài chính:** Chi phí tài chính năm 2011 chiếm khoảng 4,75% trên doanh thu, cao hơn mức 4,52% năm 2010, chủ yếu do trong năm 2011 tỷ giá VND quy đổi USD liên tục trượt giá khiến công ty tổn thất nặng do chênh lệch tỷ giá hối đoái.
- **Chi phí khác:** Chi phí này cao là do cục thuế kiểm tra thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2007-2008 của công ty phát sinh nộp thuế bổ sung. Số tiền khoảng 3 tỷ 59 triệu đồng là tiền phạt chậm nộp thuế và lợi tức của thuế TNDN phải nộp bổ sung.
- **Thuế TNDN:** Cục thuế kiểm tra thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2007-2008 của công ty phát sinh thuế TNDN phải nộp bổ sung khoảng 2 tỷ 607 triệu đồng. Tuy nhiên công ty không đồng ý nhận định của cục thuế và đã phản ánh lên cơ quan có thẩm quyền yêu cầu xem xét giải quyết.

4. BÁO CÁO TÀI CHÍNH (xem chi tiết tại website công ty www.taya.com.vn)



KPMG Limited
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street
District 1, Ho Chi Minh City
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266
Fax +84 (8) 3821 9267
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các cổ đông
Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)

Phạm vi kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán đính kèm của Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) (“Công ty”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 14 tháng 3 năm 2012. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và thuyết trình trong báo cáo tài chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như việc đánh giá cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345

Báo cáo Kiểm toán số: 11-01-192




Nguyễn Thanh Nghị

Chứng chỉ kiểm toán viên số 0304/KTV

Phó Tổng Giám đốc



Chang Hung Chun

Chứng chỉ kiểm toán viên số N0863/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 3 năm 2012.

KPMG Limited, a Vietnamese limited liability company and a member firm of the KPMG network of independent member firms affiliated with KPMG International Cooperative (“KPMG International”), a Swiss entity. All rights reserved.

2

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn	100		503.417.219.133	602.613.060.087
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	3	125.050.507.299	188.699.721.924
Đầu tư ngắn hạn	120		-	2.000.000.000
Các khoản phải thu	130		165.327.908.022	205.107.572.233
Phải thu khách hàng	131		165.461.517.756	205.034.587.108
Trả trước cho người bán	132		465.321.753	393.458.600
Các khoản phải thu khác	135		299.938.433	578.396.445
Dự phòng phải thu khó đòi	139		(898.869.920)	(898.869.920)
Hàng tồn kho	140	4	204.903.496.242	197.092.602.553
Hàng tồn kho	141		206.851.281.428	201.837.022.498
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.947.785.186)	(4.744.419.945)
Tài sản ngắn hạn khác	150		8.135.307.570	9.713.163.377
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		895.153.894	729.867.477
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		6.987.838.176	6.865.963.613
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	154		-	1.598.632.287
Tài sản ngắn hạn khác	158		252.315.500	518.700.000
Tài sản dài hạn	200		167.952.582.257	182.456.296.949
Tài sản cố định	220		163.083.409.751	177.376.863.272
Tài sản cố định hữu hình	221	5	158.481.797.349	177.341.576.572
<i>Nguyên giá</i>	222		431.762.746.429	427.684.518.913
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(273.280.949.080)	(250.342.942.341)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	6	4.601.612.402	35.286.700
Tài sản dài hạn khác	260		4.869.172.506	5.079.433.677
Chi phí trả trước dài hạn	261	7	3.043.343.979	3.031.797.453
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	8	1.825.828.527	2.047.636.224
TỔNG TÀI SẢN	270		671.369.801.390	785.069.357.036

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này

3

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		428.019.235.734	572.289.821.497
Nợ ngắn hạn	310		427.751.446.861	571.960.481.474
Vay ngắn hạn	311	9	312.152.126.303	357.304.741.548
Phải trả người bán	312	10	90.196.727.226	167.877.879.000
Người mua trả tiền trước	313		13.068.225.554	31.863.615.553
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	11	4.698.421.775	8.459.377.712
Phải trả người lao động	315		5.914.946.314	4.520.045.585
Chi phí phải trả	316		1.652.461.368	1.649.756.374
Các khoản phải trả khác	319		68.538.321	285.065.702
Nợ dài hạn	330		267.788.873	329.340.023
Dự phòng trợ cấp thôi việc	336	12	267.788.873	329.340.023
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		243.350.565.656	212.779.535.539
Vốn chủ sở hữu	410		243.350.565.656	212.779.535.539
Vốn cổ phần	411	13	279.013.770.637	279.013.770.637
Cổ phiếu quỹ	412	13	(272.840.000)	(272.840.000)
Quỹ và dự trữ	417	14	21.553.609.319	21.553.609.319
Lỗi lũy kế	420		(56.943.974.300)	(87.515.004.417)
TỔNG NGUỒN VỐN	440		671.369.801.390	785.069.357.036

Người lập:



Hung Chung Ming
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Wang Ting Shu
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 3 năm 2012

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này

4

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

	Mã số	Thuyết minh	2011 VND	2010 VND
Tổng doanh thu	01	15	1.318.267.201.905	1.096.841.476.508
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		(1.683.718.208)	(1.338.937.441)
Doanh thu thuần	10		1.316.583.483.697	1.095.502.539.067
Giá vốn hàng bán	11		(1.178.006.826.469)	(988.091.708.290)
Lợi nhuận gộp	20		138.576.657.228	107.410.830.777
Doanh thu hoạt động tài chính	21	16	15.919.931.770	9.568.419.973
Chi phí tài chính	22	17	(78.558.742.149)	(59.066.606.569)
Chi phí bán hàng	24		(19.608.289.051)	(18.367.739.545)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(27.588.826.788)	(22.890.312.985)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		28.740.731.010	16.654.591.651
Kết quả từ các hoạt động khác	40			
Thu nhập khác	31		7.864.864.372	6.032.470.319
Chi phí khác	32		(3.205.295.090)	(786.562)
Lợi nhuận trước thuế	50		33.400.300.292	22.686.275.408
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	18	(2.607.462.478)	-
(Chi phí)/ lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	18	(221.807.697)	338.880.290
Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		30.571.030.117	23.025.155.698
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	19	1.096	826

Người lập:



Hung Chung Ming
Kế toán trưởng



Người duyệt:



Wang Ting Shu
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 3 năm 2012

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này

5

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

	Vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ và dự trữ VND	Lỗ lũy kế VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2010	279.013.770.637	(272.840.000)	21.141.803.086	(110.128.353.882)	189.754.379.841
Phân bổ vào các quỹ	-	-	411.806.233	(411.806.233)	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	23.025.155.698	23.025.155.698
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2011	279.013.770.637	(272.840.000)	21.553.609.319	(87.515.004.417)	212.779.535.539
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	30.571.030.117	30.571.030.117
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	279.013.770.637	(272.840.000)	21.553.609.319	(56.943.974.300)	243.350.565.656

Người lập:



Hung Chung Ming
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



Ngày 14 tháng 3 năm 2012

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

	Mã số	Thuyết minh	2011 VND	2010 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		33.400.300.292	22.686.275.408
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		27.136.014.516	29.859.780.131
Các khoản dự phòng	03		1.852.075.019	2.407.224.176
(Lãi)/ lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(1.305.507.433)	2.405.654.455
Lãi thanh lý tài sản cố định	05		(124.965.790)	(16.631.100)
Thu nhập lãi tiền gửi	05		(10.163.807.763)	(9.242.177.545)
Chi phí lãi vay	06		14.347.719.746	15.249.607.515
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		65.141.828.587	63.349.733.040
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		41.637.974.718	(109.050.561.172)
Biến động hàng tồn kho	10		(9.662.968.708)	(23.160.400.974)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(101.387.220.742)	158.599.201.763
			(4.270.386.145)	89.737.972.657
Tiền lãi vay đã trả	13		(14.349.204.046)	(15.125.048.162)
Thuế thu nhập đã nộp	14		-	(435.657.354)
Tiền thuần (chi cho)/thu từ hoạt động kinh doanh	20		(18.619.590.191)	74.177.267.141
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định	21		(12.981.934.692)	(5.972.742.514)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		252.792.961	16.631.100
Tiền thu từ các khoản đầu tư khác	25		2.000.000.000	(1.957.600.000)
Thu lãi tiền gửi	27		9.883.353.063	9.242.177.545
Tiền thuần (chi cho)/thu từ hoạt động đầu tư	30		(845.788.668)	1.328.466.131

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này

7

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	2011 VND	2010 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền vay nhận được	33		545.438.418.231	585.959.810.578
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(589.622.253.997)	(596.247.877.000)
Tiền thuần chi cho hoạt động tài chính	40		(44.183.835.766)	(10.288.066.422)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(63.649.214.625)	65.217.666.850
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		188.699.721.924	123.482.055.074
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	70	3	125.050.507.299	188.699.721.924

Người lập:



Hung Chung Ming
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Wang Jing Shu
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 3 năm 2012

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này

8

5. THÔNG TIN KIỂM TOÁN:

5.1. Đơn vị kiểm toán độc lập:

- Tên đơn vị kiểm toán: Công ty TNHH KPMG Việt Nam
- Địa chỉ: 10th floor, Sun Wah Tower, 115 Nguyen Hue Street, Dist 1, HCMC, Viet Nam.
- Điện thoại: 84-8 38219266 Fax: 84-8 38219267
- Website: www.kpmg.com.vn

Phụ trách kiểm toán

Ông Nguyễn Thanh Nghị (Phó tổng giám đốc)

Chứng chỉ kiểm toán viên số 0304/KTV

Ông Chang Hung Chun

Chứng chỉ kiểm toán viên số N00863/KTV

5.2. Đơn vị kiểm tra Nội bộ: Công ty cổ phần hữu hạn Dây và Cáp điện Đại Á

- Hình thức kiểm tra nội bộ: Ban kiểm soát kiểm tra không định kỳ
- Kết quả kiểm tra nội bộ:
Ý kiến của Ban kiểm soát như sau:

- Giá đồng LME sáu tháng đầu năm 2011 tương đối ổn định, công ty bán hàng nhiều hơn và giá vốn chiếm nhiều ưu thế, do vậy, lợi nhuận gộp tăng 48% so với cùng kỳ năm 2010. Lợi nhuận sau thuế sáu tháng đầu năm 2011 khoảng 20,7 tỷ đồng. Chuyển sang sáu tháng cuối năm 2011 do ảnh hưởng khủng hoảng nợ công Châu Âu và rủi ro vỡ nợ ngày một tăng của Hy Lạp, kinh tế phát triển trì trệ của Mỹ khiến giá đồng thế giới biến động mạnh, tâm lý người đầu tư lưỡng lự và giao dịch tụt giảm đã ảnh hưởng giảm lợi nhuận của công ty. Sáu tháng cuối năm 2011, lợi nhuận sau thuế công ty đạt khoảng 9,8 tỷ đồng, giảm 10,9 tỷ đồng so với sáu tháng đầu năm 2011 và mức suy giảm lên đến 52,66%. Cả năm 2011 công ty lãi khoảng 30,5 tỷ đồng đạt mức tăng trưởng 18,69% so với kế hoạch 25,7 tỷ đồng.

Kết luận:

- ❖ Tuy bị tổn thất về hối đoái nhưng lãi sau thuế khoảng 30,5 tỷ đồng vẫn vượt chỉ tiêu kế hoạch năm 2011.
- ❖ Việc thực hiện trích khấu hao tài sản cố định tuân thủ theo quyết định 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
- ❖ Việc thực hiện mua sắm tài sản cố định được thực hiện theo đúng Nghị quyết của Hội đồng quản trị và Điều lệ Công ty.
- ❖ Sử dụng vốn đúng mục đích, bảo toàn được vốn.
- ❖ Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty.
Báo cáo tài chính lập đầy đủ mẫu biểu theo quy định của Bộ Tài chính và yêu cầu quản lý của các ban ngành.

6. CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN:

Taya Electric Wire & Cable Co Ltd Sở hữu 60% cổ phần của công ty

6.1. Ngành nghề hoạt động, địa chỉ Công ty và nhà máy sản xuất

Ngành nghề hoạt động: sản xuất cáp điện, dây điện thoại các loại, dây đồng trần, dây điện từ.

Địa chỉ Công ty và nhà máy sản xuất

- **Trụ sở chính** Số 249 - Đường Trung Sơn, Đoạn II, Khu Quan Miếu
Thành phố Đài Nam, Đài Loan.
Điện thoại: (886) 5953 131
- **Nhà máy** Số 15 - Đường Nam Hưng, Thôn Nam Loan, Tp. Vĩnh Khang,

Huyện Đài Nam, Đài Loan
Điện thoại: (886-6) 2372 6131

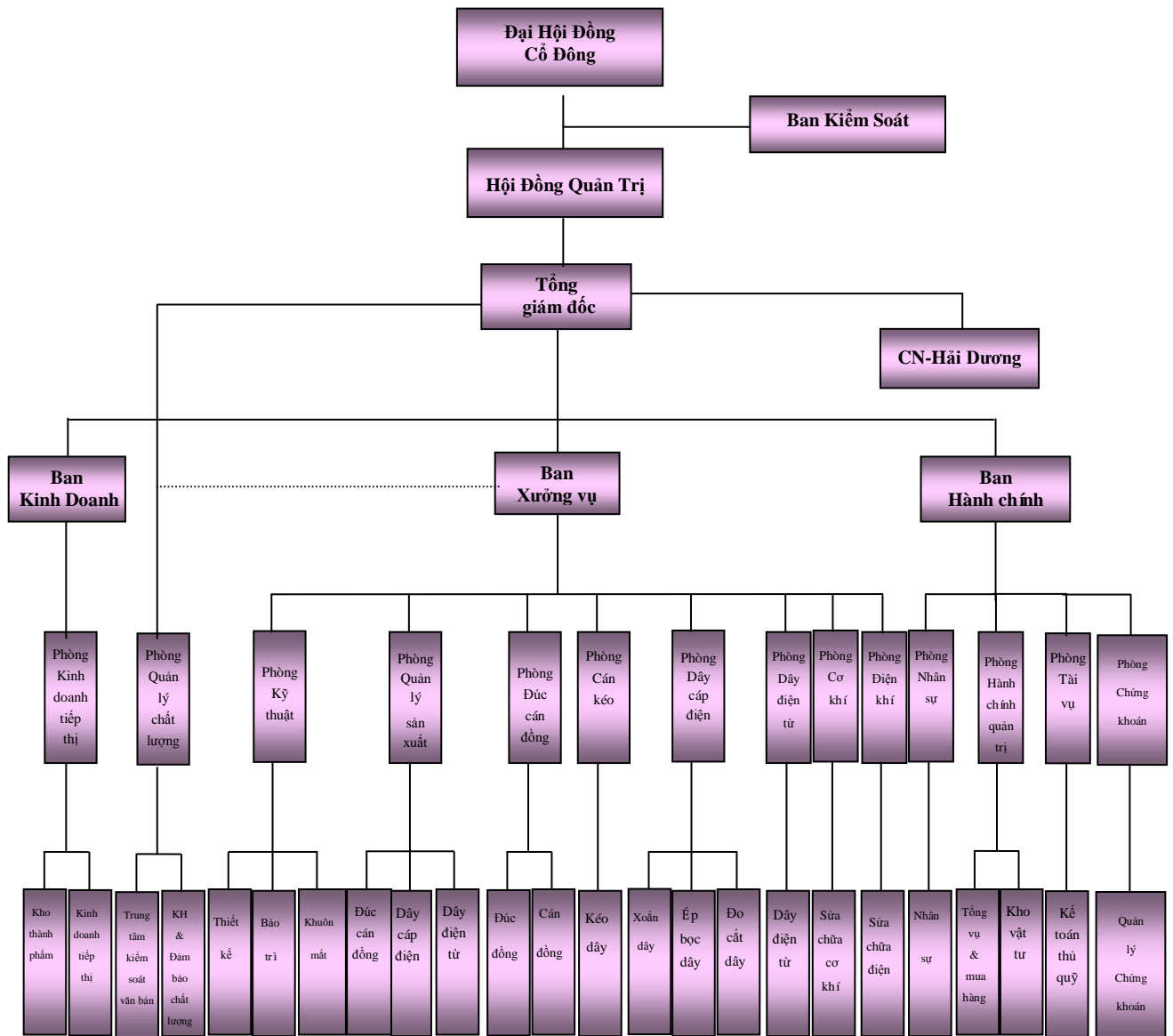
- **Chi nhánh Đài Bắc** Số 149 - Đường Ngũ Công, Khu Công nghiệp Ngũ Cổ, Thôn Ngũ Cổ, Huyện Đài Bắc, Đài Loan
Điện thoại: (886-2) 2299 7070
- **Chi nhánh Đài Trung** Số 2 - Đường 33, Khu Công nghiệp Đài Trung, Đài Loan
Điện thoại: (886-2) 2350 1010

6.2. Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính

- Năm 1955: Thành lập nhà máy Thực Nghiệp TAYA, vốn pháp nhân NTD 200.000, diện tích khoảng 990 m², chuyên sản xuất kinh doanh dây cáp điện bọc cao su, dây cáp điện ngoài trời, dây điện bọc lớp bố, dây điện xe hơi;
- Năm 1958-1962: nghiên cứu sản xuất dây bọc nhựa PVC, dây điện công trình, dây điện xe hơi bọc nhựa, 2 lần tăng vốn lên NTD 600.000 và NTD 2.000.000, đổi tên Công ty Thực Nghiệp Cổ phần Hữu hạn TAYA.
- Năm 1967: Dời nhà xưởng vào Khu Công nghiệp Cán Tre, tăng vốn lên NTD 5.000.000, đổi tên thành Công ty CPHH Dây và Cáp điện TAYA.
- Năm 1968-1987: sau 9 lần tăng vốn và phát triển mở rộng sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, đến thời điểm năm 1987 số vốn là NTD 300.660.000, mua thêm mặt bằng tại Huyện Đài Nam xây dựng nhà xưởng, Tổng Công ty dời về Quan Miếu, Huyện Đài Nam, chính thức đưa dây cáp điện siêu cao áp đi vào hoạt động.
- Năm 1988: hợp nhất Công ty CPHH Dây Cáp điện Đại Hằng và tăng vốn lên NTD 750.000.000, mở rộng thiết bị chế tạo sản phẩm dây cáp điện lực siêu cao áp. Tháng 10, Ủy Ban Chứng khoán thuộc Bộ Tài chính Đài Loan chấp thuận Công ty đăng ký niêm yết cổ phiếu. Tháng 12/1988, Cổ phiếu của Công ty chính thức lên sàn giao dịch.
- Năm 1989-2000: tăng vốn 9 lần và không ngừng mở rộng phát triển sản xuất. Đến năm 2000, số vốn đã lên đến NTD 5.572.260.000, hợp danh với Công ty Công nghiệp điện Cổ Hà (Nhật Bản) thành lập Công ty CPHH Tư vấn Công trình Đại Hà và đầu tư vào Công ty CPHH Đầu tư Sáng nghiệp TAYA, sản phẩm dây điện từ được cấp giấy chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng QS-9000.
- Năm 2001-2003: thay đổi chiến lược hoạt động, giảm vốn xuống còn NTD 5.425.770.000.
- Năm 2004-2008: không ngừng phát triển.
- Năm 2009: là Công ty đầu tiên được Công ty Điện lực Đài Loan công nhận có năng lực sản xuất cáp điện siêu cao áp 345KV. Vốn Điều lệ là NTD5.716.150.380.

7. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

7.1. Sơ đồ cơ cấu tổ chức



7.2. Số lượng Cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động

Tổng số lao động của Taya Việt Nam ở Trụ sở chính Đồng Nai và Chi nhánh Hải Dương đến thời điểm 31/12/2011 là 434 người với 112 cán bộ quản lý. Lao động nước ngoài chiếm 2,7% tổng số lao động và chủ yếu giữ các vị trí quản lý. Trình độ văn hóa của lao động chiếm tỷ lệ như sau: trình độ đại học cao đẳng và trên đại học chiếm 20%, trung cấp chiếm 20% và trung học phổ thông trở xuống chiếm 60%.

Chính sách lương:

Căn cứ trình độ chuyên môn áp dụng mức cao hơn mức lương qui định hiện hành của chính phủ. Khi kết thúc thời gian thử việc, qua đánh giá khả năng làm việc công nhân được nhận làm việc chính thức. Khi đó mức lương sẽ được tăng lên từ 7% - 15% tùy vị trí. Mỗi năm (thường là vào cuối năm) dựa vào kết quả đánh giá công ty điều chỉnh tăng lương cho nhân viên. Việc tính toán lương tăng ca, làm đêm theo quy định của Luật Lao động.

Ngoài tiền lương, người lao động tùy theo vị trí công việc mà được hưởng các khoản trợ cấp như trợ cấp làm đêm, trợ cấp chức vụ, trợ cấp chuyên cần, trợ cấp giao thông, trợ cấp khác...

Chính sách thưởng:

Nhân viên trong Công ty làm việc trên 1 năm được thưởng tháng lương thứ 13 Hoặc từ 2 tháng lương bình thường trở lên tùy theo lợi nhuận hàng năm của Công ty.

Ngoài mức thưởng trên, nhân viên còn được hưởng các phúc lợi khác vào dịp lễ 30/4, 1/5, tặng quà vào dịp tết Trung thu, được công ty chi trả tiền đồng phục, tiền cơm trưa.

Hỗ trợ nhân viên lễ cưới, đau ốm, tai nạn lao động và tang lễ:

Tiền mừng lễ cưới đối với nhân viên làm việc trên 1 năm là 800.000 đồng; làm việc dưới 1 năm là 500.000 đồng; 300.000 đồng đối với con cái nhân viên công ty. Ngoài ra, khi nhân viên bị đau ốm hoặc tai nạn lao động tiền thăm hỏi là 200.000 đồng còn tang lễ là 500.000 đồng.

Chính sách đào tạo nhân viên:

Đào tạo chuyên môn: Đào tạo tại chức định kỳ và đào tạo tại nước ngoài.

7.3. Người quản lý chủ chốt trong công ty

A. Sơ yếu lý lịch

▪ **Tổng giám đốc:**

1. Ông Wang Ting Shu

Chức vụ hiện tại: Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam

Ngày tháng năm sinh: 03/12/1954

Nơi sinh: Đài Nam, Đài Loan

Quốc tịch: Đài Loan (R.O.C) Dân tộc: Hán

Trình độ văn hóa: Đại học khoa học kỹ thuật Viên Đông

▪ **Phó tổng giám đốc:**

1. Ông Chen Chung Kuang

Chức vụ hiện tại: Phó Tổng Giám Đốc CN-Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam

Ngày tháng năm sinh: 15/10/1967

Nơi sinh: Đài Loan

Quốc tịch: Đài Loan (R.O.C) Dân tộc: Hán

Trình độ văn hóa: Đại học văn hóa Trung Quốc Đài Loan, New York Institute of Technology MBA

▪ **Kế toán trưởng:**

1. Ông Hung Chung Ming

Chức vụ hiện tại: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam

Ngày tháng năm sinh: 05/04/1977

Nơi sinh: Đài Loan

Quốc tịch: Đài Loan (R.O.C) Dân tộc: Hán

Trình độ văn hóa: Học viện kỹ thuật Côn Sơn Đài Loan

B. Thay đổi nhân sự

Thay đổi phó tổng giám đốc chi nhánh Hải Dương

- Ông Chiu Chin Teng thôi giữ chức vụ phó tổng giám đốc Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam chi nhánh Hải Dương kể từ ngày 01 tháng 03 năm 2012.
- Ông Chen Chung Kuang giữ chức vụ phó tổng giám đốc Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam chi nhánh Hải Dương kể từ ngày 01 tháng 03 năm 2012 thay cho ông Chiu Chin Teng.

C. Lương bổng của Tổng giám đốc

- Lương bổng tổng giám đốc: 2.860USD/tháng

D. Tỷ lệ cổ phần nắm giữ: Không nắm giữ

E. Giao dịch cổ phiếu: Không có giao dịch

F. Xung đột lợi ích với công ty: Không có xung đột

8. QUẢN TRỊ CÔNG TY VÀ THÔNG TIN CỔ ĐÔNG

8.1. Quản trị công ty

8.1.1 Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:

▪ **Hội đồng quản trị**

1. Ông Shen Shang Pang

Chức vụ hiện tại: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện TAYA Việt Nam
Phó chủ tịch HĐQT Taya Electric Wire & Cable Co., Ltd

Ngày tháng năm sinh: 01/10/1953

Quốc tịch: Đài Loan (R.O.C) Dân tộc: Hán

Trình độ văn hóa: Đại học Côn Sơn, Đài Loan.

2. Ông Shen Shang Tao

Chức vụ hiện tại: Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam
Phó Tổng giám đốc Taya Electric Wire & Cable Co., Ltd

Ngày tháng năm sinh: 16/12/1960

Nơi sinh: Đài Nam, Đài Loan

Quốc tịch: Đài Loan (R.O.C) Dân tộc: Hán

Trình độ văn hóa: Đại học Nam California, Hoa Kỳ.

3. Ông Shen Shang Hung

Chức vụ hiện tại: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam
Chủ tịch HĐQT Taya Electric Wire & Cable Co., Ltd

Ngày tháng năm sinh: 16/11/1958

Nơi sinh: Đài Nam, Đài Loan

Quốc tịch: Đài Loan (R.O.C) Dân tộc: Hán

Trình độ văn hóa: Đại Học Đài Loan, MBA Đại Học Emory, Hoa Kỳ.

4. Ông Shen San Yi

Chức vụ hiện tại: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam
Tổng Giám Đốc Taya Electric Wire & Cable Co., Ltd

Ngày tháng năm sinh: 09/3/1961

Nơi sinh: Đài Nam, Đài Loan

Quốc tịch: Đài Loan (R.O.C) Dân tộc: Hán

Trình độ văn hóa: Đại Học Côn Sơn, Đài Loan.

5. Ông Wang Ting Shu

Chức vụ hiện tại: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam

Ngày tháng năm sinh: 03/12/1954

Nơi sinh: Đài Nam, Đài Loan.

Quốc tịch: Đài Loan (R.O.C) Dân tộc: Hán

Trình độ văn hóa: Đại học khoa học kỹ thuật Viên Đông.

▪ **Ban kiểm soát:**

1. Ông Wang Yen Huang

Chức vụ hiện tại: Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam
Chủ nhiệm phòng kế hoạch Taya Electric Wire & Cable Co., Ltd

Ngày tháng năm sinh: 25/8/1952

Nơi sinh: Đà Nam

Quốc tịch: Đài Loan (R.O.C) Dân tộc: Hán

Trình độ văn hóa: MBA Đại học khoa học kỹ thuật Cao Hùng, Đài Loan.

2. Ông Wang Wen Ruey

Chức vụ hiện tại: Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam
Tổng Giám đốc Great China Electric Wire & Cable Co., Ltd

Ngày tháng năm sinh: 31/8/1951

Nơi sinh: Đài Loan

Quốc tịch: Đài Loan (R.O.C) Dân tộc: Hán

Trình độ văn hóa: Đại Học Đông Ngô, Đài Loan.

3. Ông Chiu Tsung Jen

Chức vụ hiện tại: Thành viên Ban Kiểm soát Công ty CP Dây và Cáp Điện TAYA Việt Nam

Tổng giám đốc Ban xây dựng Taya Electric Wire & Cable Co., Ltd

Tổng giám đốc Công ty CPHH xây dựng Taya Việt Nam

Ngày tháng năm sinh: 30/09/1957

Nơi sinh: Đài Loan.

Quốc tịch: Đài Loan (R.O.C) Dân tộc: Hán

Trình độ văn hóa: MBA Đại học California Hoa Kỳ.

▪ Thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

Năm 2011 công ty tuy có lãi khoảng 30,5 tỷ đồng, nhưng vẫn phải bù lỗ lũy kế cho các năm trước nên công ty không chi trả thù lao năm 2011 cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

Thù lao khác

- Ông Shen Shang Pang (chủ tịch HĐQT) 5.000USD/tháng.
- Ông Shen Shang Tao (phó chủ tịch HĐQT) 5.000USD/tháng.
- Ông Chiu Tsung Jen (ủy viên BKS) 1.350USD/tháng.

8.1.2 Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát

Stt	Họ tên	Chức vụ	Số lượng sở hữu
I	Hội đồng Quản trị		
1.	Shen Shang Pang	Chủ tịch HĐQT	63.504
2.	Shen Shang Tao	Phó chủ tịch HĐQT	40.666
3.	Shen Shang Hung	Thành viên HĐQT	42.220
4.	Shen San Yi	Thành viên HĐQT	76.941
5.	Wang Ting Shu	Thành viên HĐQT	0
II.	Ban kiểm soát		
1.	Wang Yen Huang	Trưởng Ban kiểm soát	0
2.	Chiu Tsung Jen	Thành viên BKS	2.100
3	Wang Wen Ruey	Thành viên BKS	0
III.	Ban Giám Đốc		
1.	Wang Ting Shu	Tổng giám đốc	0
2.	Chen Chung Kuang	Phó TGD chi nhánh Hải Dương	0

Ghi chú:

- Ông Kua Lao Fu đã giải trừ thành viên Ban kiểm soát công ty tại ngày 27/04/2011, cổ phiếu TYA 861 cổ phần ông ta nắm giữ được tự do giao dịch trên thị trường chứng khoán Việt Nam.
- Ông Chiu Chin Teng đã thôi giữ chức vụ phó tổng giám đốc công ty tại ngày 01/03/2012, cổ phiếu TYA 21.861 cổ phần ông ta nắm giữ được tự do giao dịch trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

▪ Giao dịch cổ phiếu của thành viên Hội đồng quản trị:

- Từ ngày 16-29/09/2011 ông Shen San Yi đã mua vào 20.000 cổ phiếu TYA. Tổng số cổ phiếu TYA nắm giữ của ông Shen San Yi tại thời điểm lập báo cáo này là 76.941 cổ phần.

▪ Xung đột lợi ích với công ty: Không có xung đột.**8.2. Hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát****8.2.1 Hoạt động của Hội đồng quản trị****● Tổ chức hội nghị**

Trong năm tài chính 2011 Hội đồng quản trị tổ chức nhiều cuộc họp với nội dung:

- Kế hoạch sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính và kiểm toán.
- Đăng ký bổ sung hạng mục kinh doanh mới.
- Nội dung và kế hoạch tổ chức Đại hội cổ đông năm 2012.
- Bầu cử chủ tịch và phó chủ tịch Hội đồng quản trị nhiệm kỳ II.
- Kế hoạch vay vốn ngân hàng.
- Thảo luận và thông qua chiến lược kinh doanh linh động.
- Việc cấp đổi giấy phép văn phòng đại diện Tp.HCM.
- Di dời địa chỉ và bổ nhiệm đại diện văn phòng đại diện Tp.HCM.

● Giám sát của HĐQT đối với Tổng giám đốc:

Hội đồng quản trị kiểm tra và giám sát Tổng giám đốc những việc sau:

- Việc chấp hành nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội cổ đông.
- Việc chấp hành chiến lược kinh doanh công ty.
- Tình hình tuân thủ pháp luật.
- Tình hình thực thi chính sách lao động.
- Tình hình an toàn, vệ sinh lao động trong công ty.
- Tình hình mở rộng thị phần và kế hoạch bán hàng.

8.2.2 Hoạt động của Ban kiểm soát:

Trong năm 2011, Ban kiểm soát giám sát và tham dự các cuộc họp về:

- Cuộc họp của Hội đồng quản trị về kế hoạch và chiến lược kinh doanh công ty.
- Xem xét và thẩm định các báo cáo tài chính tự quyết hàng quý và năm.
- Kiểm tra nội bộ sổ sách kế toán và tình trạng tài chính của công ty.
- Xem xét báo cáo kiểm toán.

● Giám sát của Ban kiểm soát đối với HĐQT:

Ban kiểm soát giám sát HĐQT về những việc sau:

- Xu thế giá nguyên liệu thế giới và tình hình nguyên liệu tồn kho.
- Quy trình nhập khẩu nguyên liệu.
- Tuân thủ pháp luật.

● **Giám sát của BKS đối với Tổng giám đốc:**

Ban kiểm soát giám sát Tổng giám đốc những việc dưới đây:

- Quy trình thực hiện quản trị công ty và nghị quyết của Hội đồng quản trị.
- Tình hình tuân thủ quy định pháp luật.
- Quản trị công ty hợp lý và chính sách bán hàng linh hoạt.

8.2.3 Kế hoạch tăng cường hiệu quả quản trị công ty

Nhằm tăng cường hiệu quả hoạt động quản trị công ty, Hội đồng quản trị đã xây dựng hệ thống mạng nội bộ xuyên quốc gia Đài Loan-Trung Quốc-Việt Nam ba năm về trước, nâng cao hiệu quả đôn đốc, quản lý và tiện lợi đối với mọi động thái hoạt động thường ngày của công ty. Qua đó, tính minh bạch trong quản lý hành chính, tài chính, sản xuất, kinh doanh và tiêu thụ hàng hóa của công ty đã được nâng cao rất nhiều. Việc trao đổi thông tin, giao lưu giữ các phòng ban, cán bộ nhân viên và Ban giám đốc đều được tăng cường, tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực thi kế hoạch, chiến lược của công ty được nhanh chóng và chính xác, bao gồm những ý kiến phản hồi và góp ý của cán bộ nhân viên đối với cấp trên, là nhân tố quan trọng góp phần đưa công ty tiến tới thành công.

8.3. Thông tin cổ đông (tại 27/03/2012)

8.3.1 Cơ cấu sở hữu

Cổ đông	Số cổ phiếu	VND	%
Tổng số cổ phần công ty	27.901.377	279.013.770.000	100
Cổ đông sáng lập			
Taya Electric Wire & Cable Co., Ltd	16.742.197	167.421.970.000	60
Great China Electric Wire & Cable Co., Ltd	5.580.687	55.806.870.000	20
HDQT, BKS			
Thành viên HDQT	223.331	2.233.310.000	20
Thành viên BKS	2.100	21.000.000	
Ban giám đốc	-	-	
Cổ phiếu quỹ	9.363	93.630.000	
Các cổ đông khác	5.343.699	53.436.990.000	
Tổng cộng	27.901.377	279.013.770.000	100

8.3.2 Cơ cấu cổ đông

Cổ đông	Trong nước		Nước ngoài		Tổng cộng	
	Cổ phần	Tỷ lệ (%)	Cổ phần	Tỷ lệ (%)	Cổ phần	Tỷ lệ (%)
Tổng cổ phần	4.745.001	17,0	23.156.376	83,0	27.901.377	100
Sở hữu nhà nước	-	-	-	-	-	-
Cổ đông sáng lập	-	-	22.322.884	80,0	22.322.884	8,0
Cổ đông pháp nhân	161.860	0,6	-	-	161.860	0,6
Cổ đông cá nhân	4.573.290	16,4	685.799	2,5	5.259.089	18,9
Pháp nhân chuyên nghiệp	488	0,0	147.693	0,5	148.181	0,5
Cổ phiếu quỹ	9.363	0,0	-	-	9.363	0,0
Tổng cộng	4.745.001	17,0	23.156.376	83,0	27.901.377	100

8.3.3 Cổ đông nội bộ

Số TT	Họ và tên	Chức vụ	Năm giữ
I	Hội đồng quản trị		
1	Shen Shang Pang	Chủ tịch HĐQT	63.504
2	Shen Shang Tao	Phó chủ tịch HĐQT	40.666
3	Shen Shang Hung	Ủy viên	42.220
4	Shen San Yi	Ủy viên	76.941
5	Wang Ting Shu	Ủy viên	0
II	Ban kiểm soát		
1	Wang Yen Huang	Trưởng BKS	0
2	Chiu Tsung Jen	Ủy viên	2.100
3	Wang Wen Ruey	Ủy viên	0
III	Tổng giám đốc		
1	Wang Ting Shu	Tổng giám đốc	0
2	Chen Chung Kuang	Phó tổng giám đốc	0
IV	Kế toán - Tài vụ		
1	Hung Chung Ming	Kế toán trưởng	0
V	Công bố thông tin		
1	Linh Thin Pau	Người công bố thông tin	0

Ngày 14 tháng 04 năm 2012
Tổng Giám Đốc

Wang Ting Shu